

ĐẠI SỐ 9

CHƯƠNG 1 – CĂN BẬC HAI – CĂN BẬC BA CHỦ ĐỀ 1: CÁC PHÉP TÍNH VỚI CĂN BẬC HAI

I/ LUYỆN TẬP:

Bài 1: Rút gọn các biểu thức sau (giả thiết các biểu thức chứa chữ đều có nghĩa).

$$\begin{aligned} \text{a) } & \sqrt{18(\sqrt{2}-\sqrt{3})^2} \\ &= \sqrt{9 \cdot 2(\sqrt{2}-\sqrt{3})^2} \\ &= 3|\sqrt{2}-\sqrt{3}|\sqrt{2} = 3(\sqrt{3}-\sqrt{2})\sqrt{2} \\ &= 3(\sqrt{6}-2) \text{ (vì } \sqrt{3} > \sqrt{2} \text{)} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{d) } & \frac{a+\sqrt{ab}}{\sqrt{a}+\sqrt{b}} \\ &= \frac{(\sqrt{a})^2+\sqrt{ab}}{\sqrt{a}+\sqrt{b}} = \frac{\sqrt{a}(\sqrt{a}+\sqrt{b})}{\sqrt{a}+\sqrt{b}} \\ &= \sqrt{a} \end{aligned}$$

Bài 2: Rút gọn các biểu thức sau (giả thiết các biểu thức chứa chữ đều có nghĩa).

$$\begin{aligned} \text{a) } & \frac{2+\sqrt{2}}{1+\sqrt{2}} = \frac{\sqrt{2}(\sqrt{2}+1)}{1+\sqrt{2}} = \sqrt{2} \\ \text{b) } & \frac{\sqrt{15}-\sqrt{5}}{1-\sqrt{3}} = \frac{\sqrt{5}(\sqrt{3}-1)}{1-\sqrt{3}} = -\sqrt{3} \\ \text{c) } & \frac{a-\sqrt{a}}{1-\sqrt{a}} = \frac{\sqrt{a}(\sqrt{a}-1)}{1-\sqrt{a}} = -\sqrt{a} \end{aligned}$$

Bài 3: Sắp xếp theo thứ tự tăng dần:

$$3\sqrt{5}, 2\sqrt{6}, \sqrt{29}, 4\sqrt{2}$$

$$\text{Ta có: } 3\sqrt{5} = \sqrt{9 \cdot 5} = \sqrt{45}$$

$$2\sqrt{6} = \sqrt{4 \cdot 6} = \sqrt{24}$$

$$4\sqrt{2} = \sqrt{16 \cdot 2} = \sqrt{32}$$

$$\text{Vậy } 2\sqrt{6} < \sqrt{29} < 4\sqrt{2} < 3\sqrt{5}$$

II/ RÚT GỌN BIỂU THỨC CHỨA CĂN BẬC HAI

1) Ví dụ 1: Rút gọn:

$$5\sqrt{a} + 6\sqrt{\frac{a}{4}} - a\sqrt{\frac{4}{a}} + \sqrt{5} \quad (a > 0)$$

Giải:

$$\begin{aligned} &= 5\sqrt{a} + \frac{6}{2}\sqrt{a} - a\sqrt{\frac{4a}{a^2}} + \sqrt{5} \\ &= 5\sqrt{a} + 3\sqrt{a} - 2\sqrt{a} + \sqrt{5} \end{aligned}$$

$$= 6\sqrt{a} + \sqrt{5}$$

$$[?] \quad 3\sqrt{5a} - \sqrt{20a} + 4\sqrt{45a} + \sqrt{a} \text{ với } a \geq 0$$

$$= 3\sqrt{5a} - 2\sqrt{5a} + 12\sqrt{5a} + \sqrt{5a}$$

$$= 14\sqrt{5a}$$

2) **Ví dụ 2:** Chứng minh đẳng thức

$$(1 + \sqrt{2} + \sqrt{3})(1 + \sqrt{2} - \sqrt{3}) = 2\sqrt{2}$$

Giải:

$$VT = (1 + \sqrt{2})^2 - (\sqrt{3})^2$$

$$= 3 + 2\sqrt{2} - 3 = 2\sqrt{2} = VP$$

[?] Chứng minh đẳng thức:

$$VT = \frac{(\sqrt{a})^3 + (\sqrt{b})^3}{\sqrt{a} + \sqrt{b}} - \sqrt{ab}$$

$$= \frac{(\sqrt{a} + \sqrt{b})(a - \sqrt{ab} + \sqrt{b})}{(\sqrt{a} + \sqrt{b})}$$

$$= a - 2\sqrt{ab} + b$$

$$= (\sqrt{a} - \sqrt{b})^2 = VP$$

4) **Bài tập:**

1) **Bài 58:** Rút gọn biểu thức sau:

$$a) \quad 5\sqrt{\frac{1}{5}} + \frac{1}{2}\sqrt{20} + \sqrt{5}$$

$$= 5\sqrt{\frac{1}{5} \cdot \frac{5}{5}} + \frac{1}{2}\sqrt{4 \cdot 5} + \sqrt{5}$$

$$= \sqrt{5} + \sqrt{5} + \sqrt{5} = 3\sqrt{5}$$

$$d) \quad 0,1\sqrt{200} + 2\sqrt{0,08} + 0,4\sqrt{50}$$

$$= \sqrt{2} + 0,4\sqrt{2} + 2\sqrt{2}$$

$$= 3,4\sqrt{2}$$

2) **Bài 59:**

$$a) \quad 5\sqrt{a} - 4b\sqrt{25a^3} + 5a\sqrt{16ab^2} - 2\sqrt{9a} \quad (\text{với } a > 0, b > 0)$$

$$= 5\sqrt{a} - 20ab\sqrt{a} + 20ab\sqrt{a} - 6\sqrt{a}$$

$$= -\sqrt{a}$$

Bài tập tự luyện:

- Làm bài tập: 58 b,c; 59b, 60, 61 trang 33 Sgk.
- Hướng dẫn bài 60: Phân tích thành nhân tử trong căn rồi rút gọn.

HÌNH HỌC 9

CHƯƠNG 1 – HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC VUÔNG

CHỦ ĐỀ 2: TỈ SỐ LƯỢNG GIÁC CỦA GÓC NHỌN

I/ BẢNG LƯỢNG GIÁC.

1) Cấu tạo của bảng lượng giác :

(Xem Sgk trang 78)

*/ Nhận xét:

Khi α tăng từ 0° đến 90°

($0 < \alpha < 90^\circ$) thì:

+ $\sin \alpha$ và $\operatorname{tg} \alpha$ tăng

+ $\cos \alpha$ và $\operatorname{cotg} \alpha$ giảm

2) Cách dùng bảng:

a) Tìm tỉ số lượng giác của một góc nhọn cho trước:

(xem Sgk trang 79)

*/ Ví dụ 1: tìm $\sin 46^\circ 12'$

SIN			
A		12'	
.		↓	
.		↓	
46°	----->	7,21	
.		8	

$$\sin 46^\circ 12' \approx 0,7218$$

$$\cos 52^\circ 54' \approx 0,6032$$

*/ Tìm:

$$\sin 37^\circ 33' \approx \dots\dots\dots$$

$$\cos 23^\circ 45' \approx \dots\dots\dots$$

$$\cos 76^\circ 6' \approx \dots\dots\dots$$

*/ Ví dụ 2:

Tìm $\cos 33^\circ 14'$

$$\cos 33^\circ 14' \approx 0,8368 - 0,0003$$

$$= 0,8365$$

*/ Ví dụ 3:

$$\tan 52^\circ 18' \approx 1,2938$$

$$\boxed{?1} \cot 47^\circ 24' \approx$$

*/ Ví dụ 4:

$$\cot 8^\circ 32' \approx 6,665$$

$$\boxed{?3} \tan 82^\circ 13' \approx$$

*/ Chú ý: (Sgk trang 80)

b) Tìm số đo của góc nhọn khi biết một tỉ số lượng giác của góc đó:

*/ Ví dụ 5: $\alpha = ?$ biết $\sin \alpha \approx 0,7837$

ta có: $\sin 51^\circ 36' \approx 0,7837$

$$\Rightarrow \alpha \approx 51^\circ 36'$$

[?] $\alpha = ?$ biết $\cot \alpha = 0,3006$

*/ **Chú ý:** (Sgk trang 81)

*/ **Ví dụ 6:** $\alpha = ?$ (làm tròn đến độ) biết $\sin \alpha = 0,4470$

ta có: $\sin 26^\circ 36' = 0,4478$

$$\Rightarrow \alpha \approx 27^\circ$$

[?] $\alpha = ?$ (làm tròn đến độ) biết $\cos \alpha = 0,5547$

Áp dụng:

1) Tìm góc nhọn x (làm tròn đến phút) biết:

a) $\sin x = 0,7342$ b) $\cos x = 0,6453$

c) $\tan x = 4,6789$ d) $\cot x = 2,843$

Giải:

a) $x \approx 47^\circ 14'$ b) $x \approx 49^\circ 49'$

c) $x \approx 77^\circ 56'$ d) $x \approx 19^\circ 23'$

2) Có góc x nào mà:

a) $\sin x = 1,0100$

b) $\cos x = 1,1111$

c) $\tan x = 1,0100$

Giải:

a) Không (vì $\sin x \leq 1$)

b) Không (vì $\cos x \leq 1$)

c) $x \approx 45^\circ 17' 6''$

III/ LUYỆN TẬP:

1) **Bài 20:**

$$\sin 7013' \approx 0,9410$$

$$\cos 25^\circ 32' \approx 0,9023$$

$$\tan 43^\circ 10' \approx 0,9380$$

$$\cot 32^\circ 15' \approx 1,5849$$

2) **Bài 21:** Tính góc nhọn x biết:

a) $\sin x = 0,3495 \Rightarrow x \approx 20^\circ$

b) $\cos x = 0,5427 \Rightarrow x \approx 57^\circ$

c) $\tan x = 1,5142 \Rightarrow x \approx 57^\circ$

d) $\cot x = 3,163 \Rightarrow x \approx 18^\circ$

3) **Bài 22:** So sánh :

a) $\sin 20^\circ$ và $\sin 70^\circ$

b) $\cos 25^\circ$ và $\cos 63^\circ 15'$

c) $\tan 73^\circ 20'$ và $\tan 45^\circ$

d) $\cot 2^\circ$ và $\cot 37^\circ 40'$

Giải:

Vì: nếu góc x tăng từ 0° đến 90° thì $\sin x$, $\tan x$ tăng và $\cos x$ và $\cot x$ sẽ giảm, nên ta có :

- a) $\sin 20^\circ < \sin 70^\circ$
- b) $\cos 25^\circ > \cos 63^\circ 15'$
- c) $\tan 73^\circ 20' > \tan 45^\circ$
- d) $\cot 2^\circ > \cot 37^\circ 40'$

4) Bài 23: Tính:

- a) $\frac{\sin 25^\circ}{\cos 65^\circ} = \frac{\cos 65^\circ}{\cos 65^\circ} = 1$
- b) $\tan 58^\circ - \cot 32^\circ = \tan 58^\circ - \tan 58^\circ = 0$

5) Bài 25:

- a) Ta có: $\tan 25^\circ = \frac{\sin 25^\circ}{\cos 25^\circ}$
mà $\cos 25^\circ < 1 \Rightarrow \tan 25^\circ > \sin 25^\circ$

NGŨ VĂN 9

Tuần 5

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN KIỀU (tiếp theo)

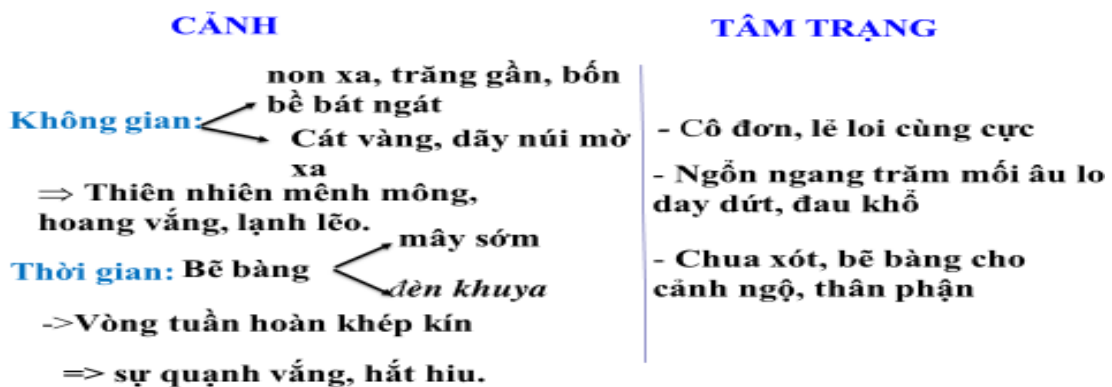
VĂN BẢN 2: KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH

1. **Vị trí đoạn trích:** nằm ở phần thứ hai của tác phẩm. “Gia biến và lưu lạc”

2. **Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật**

2.1. **Bút pháp tả cảnh ngụ tình**

❖ 6 câu thơ đầu



Bút pháp tả cảnh ngụ tình, hệ thống hình ảnh chân thực, sáng tạo → phác họa được khung cảnh lầu Ngưng Bích, cảnh ngộ và tâm trạng cô đơn, lẻ loi, đầy bi kịch của Kiều.

→ Ngoại cảnh biến thành tâm cảnh.

❖ 8 câu thơ cuối

- Tạo ra những bức tranh tâm cảnh đa dạng, phong phú, không trùng lặp, tăng tiến như những đợt sóng tràn, nắm bắt được những trạng thái phức tạp của tâm lý nhân vật.

- Mỗi cặp câu là 1 cảnh → một cảnh là một nỗi nhớ, nỗi buồn.

Ngoại cảnh	Tâm cảnh
Cánh buồm thấp thoáng	→ Gợi sự cô đơn, lẻ loi > Nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.
Hoa trôi man mác	→ Gợi nỗi buồn về thân phận nổi trôi, vô định
Nội cỏ rầu rầu	→ Gợi sự ứa tàn buồn bã, nỗi chán chường vô vọng
Gió cuốn mặt duềnh/ tiếng sóng	→ Cảnh tượng hãi hùng báo trước dông bão sẽ nổi lên, xô đẩy, vùi dập cuộc đời Kiều.

→ Điệp ngữ, từ láy, câu hỏi tu từ

➔ Số phận bơ vơ, lạc lõng -> bế tắc, tuyệt vọng

➔ *Tình và cảnh hòa quyện, cảnh bộc lộ tình, tình thấm sâu vào cảnh -> Diễn tả chân thật tâm trạng buồn lo vô tận, sợ hãi tuyệt vọng của Kiều trước bão táp cuộc đời.*

2.2. Xây dựng nhân vật thông qua độc thoại nội tâm.

❖ 8 câu thơ giữa

- Cách xây dựng nhân vật sinh động, chân thực, như những con người bằng xương bằng thịt.

Xây dựng nhân vật thông qua độc thoại nội tâm.		
Chi tiết	- <u>Tưởng</u> người dưới nguyệt chén đồng (nhớ lời thề nguyện) - <i>Tin sương luống... chờ</i> (nàng tưởng tượng ra Kim Trọng đang khắc khoải mong đợi mình vô vọng.) - “ <i>Tâm son....cho phai</i> ” (Kiều ân hận, dằn vò vì đã phụ tình người yêu.	- <u>Xót</u> người.....mai (“ <i>Xót</i> ”: thương xót cha mẹ tuổi già sức yếu, sáng chiều tựa cửa trông con mà vẫn vô vọng) - <i>Quạt nồng ấp lạnh</i> (nàng lo lắng ko biết có ai chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già sức yếu)
Nghệ thuật	Lời độc thoại nội tâm của Thúy Kiều. Miêu tả nội tâm.	- Thành ngữ: “ <i>quạt nồng ấp lạnh</i> ”, điển cố: “ <i>sân lai, gốc tử</i> ” - Miêu tả nội tâm.
Nội dung	Nỗi nhớ Kim Trọng tha thiết, đau đáu.	Nỗi nhớ cha mẹ cằn cào, canh cánh nỗi niềm không thể chăm sóc, phụng dưỡng
 ND miêu tả nội tâm tinh tế và sâu sắc. Tâm trạng nhớ người yêu, nhớ cha mẹ của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích được bộc lộ qua tiếng nói nội tâm của nàng.		

3. Thái độ của tác giả đối với Thúy Kiều

- Cảm thương cho tình cảnh của Thúy Kiều
- Ca ngợi vẻ đẹp thủy chung, nhân hậu của nàng

VĂN BẢN 3: CẢNH NGÀY XUÂN (Hướng dẫn HS tự học)

- Học sinh đọc các nội dung ở SGK/84,85,86
- Hoàn thiện các phiếu học tập sau:

NGHỆ THUẬT MIÊU TẢ THIÊN NHIÊN	
Khung cảnh ngày xuân	

	 
Khung cảnh lễ hội	 
Cảnh trở về	 

III. TÌM HIỂU YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂM VÀ YẾU TỐ NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ (Hướng dẫn HS tự học)

1/ Tìm hiểu miêu tả, miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.

a. Học sinh đọc các nội dung ở SGK / 91, 117

- Hoàn thiện phiếu học tập sau :

MIÊU TẢ VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ	
Xét đoạn trích SGK trang 91	Yếu tố tự sự : Yếu tố miêu tả :  Tác dụng :
Xét đoạn trích SGK trang 117	1. Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” Tả cảnh: Miêu tả tâm trạng :  Cách miêu tả : 2. Đoạn trích “Lão Hạc”:

Xét đoạn trích “Truyện Kiều” SGK trang 137, 138	Yếu tố nghị luận:
TÁC DỤNG :	

3. Luyện tập

Thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận:

Bài tập 1/161 : Gợi ý

- Buổi sinh hoạt lớp diễn ra như thế nào? (thời gian, địa điểm, ai là người điều khiển...)
- Nội dung buổi sinh hoạt là gì? Em đã phát biểu về vấn đề gì?
- Em đã thuyết phục cả lớp Nam là người bạn tốt như thế nào?

Bài tập 2/161: Gợi ý

- Người em kể là ai ?
- Người đó đã để lại một việc làm, một lời nói, một suy nghĩ? Điều đó diễn ra trong hoàn cảnh nào?
- Nội dung cụ thể là gì? Nó giản dị và sâu sắc như thế nào?
- Suy nghĩ về bài học rút ra về câu chuyện trên ?.

Lưu ý: Học sinh nộp phần chuẩn bị lên trang padlet của lớp hoặc trang lophoc.hcm.vn.

TUẦN 5 – TIẾNG ANH 9

NỘI DUNG BÀI HỌC

UNIT 2: CLOTHING

LANGUAGE FOCUS

- lovely (adj): đáng yêu, dễ thương	- volleyball (n): bóng chuyền
- how long: được bao lâu	- elephant (n): voi
- for + 1 khoảng time: được ...	- durian (n): sầu riêng
- recently (adv) = lately: gần đây	- bottle (n): chai
- since + 1 mốc time: từ khi ...	- champagne (n): sâm banh
- move (v): chuyển, di chuyển	- department store(n): cửa hàng bách hóa
- sight (n): phong cảnh, cảnh	- carefully (adv): một cách cẩn thận
- pagoda (n): chùa	- solve (v): giải quyết
- Reunification Palace (n): Dinh Thống Nhất	- problem (n): vấn đề
- vegetarian (n): thức ăn chay	- experiment (n): thí nghiệm
- Zoo and Botanical Gardens (n): Thảo Cầm Viên	- animal (n): động vật
- amusement park (n): Công viên giải trí	- might + V: có thể
- already (adv): đã, rồi	- planet (n): hành tinh
- yet (adv): chưa	- improve (v): cải thiện
- comic (n): truyện tranh	- bridge (n): cây cầu

CÂU BỊ ĐỘNG

Loại Bị động	Dấu hiệu	Công thức
1. Đơn - Hiện tại - Quá khứ	- Vo Vs Ves - Ved hoặc P _I	O + am/is/are + <u>P_{II}</u> + (by + S) O + was/ were + <u>P_{II}</u> + (by + S)
2. Tiếp diễn - Hiện tại - Quá khứ	- am/is/are + V _{ing} - was/ were + V _{ing}	O + am/is/are + <u>BEING</u> + <u>P_{II}</u> + (by + S) O + was/ were + <u>BEING</u> + <u>P_{II}</u> + (by + S)
3. Hoàn thành - Hiện tại - Quá khứ	- have/has + P _{II} - had + P _{II}	O + have/has/had + <u>BEEN</u> + <u>P_{II}</u> + (by + S) O + had + <u>BEEN</u> + <u>P_{II}</u> + (by + S)
4. Khuyết thiếu Can, may, might, should, could, will, would, have to V, has to V, had to V, ought to V, will, would...	- Can, may, might, should, could, will, would - have to V, has to V, had to V, ought to V, will, would...	O + Khuyết thiếu + <u>BE</u> + <u>P_{II}</u> + (by + S)
By S không cần nếu S = people, everyone, everybody, someone, somebody. Riêng No one, Nobody, Nothing về (-)		

EXERCISE 1: Changes the sentences into passive voice:

1. Mary types letters in the office. →
.....
2. His father will help you tomorrow. →
.....
3. Peter broke this bottle. →
.....
4. They are learning English in the room. →
.....
5. My students will bring the children home. →
.....
6. She gave us more information. →
.....
7. They have to repair the engine of the car. →
.....
8. People spend a lot of money on advertising everyday. →
.....
9. Mary is cutting a cake with a sharp knife. →
.....
10. Teacher is going to tell a story. →
.....
11. People speak English in almost every corner of the world. →
.....

EXERCISE 2: Change these yes-no questions into passive voice:

12. Nothing can change my mind. →
.....
13. No one had told me about it. →
.....
14. I don't know her telephone number →
.....
15. They can't make tea with cold water. →
.....
16. You mustn't use this machine after 5:30 p.m. →
.....

EXERCISE 3: Change into passive:

1. They will hold the meeting before May Day.
→ The meeting
2. Somebody has taken some of my books away.
→ Some of my book
3. They have to repair the engine of the car.
→ The engine of the car
4. They may use this room for the classroom.
→ This room
5. The teacher is going to tell a story.

- A story
6. John used to visit his parents at weekends.
→ His parents.....
7. They use milk for making butter and cheese.
→ Milk
8. They have provided the victims with food and clothing
→ The victims
9. People speak English in most every corner of the world.
→ English
10. The students are writing the lessons now.
→ The lesson
11. Her teacher taught her how to apply this theory.
→ She
12. Someone will tell him that news.
→ He

HIỆN TẠI HOÀN THÀNH

EXERCISE 1: Complete the sentences with “for” or “since”:

1. We haven't heard from them ages
2. They waited for you two days
3. They haven't met him.....he left the room
4. We have bought the new car 1999
5. Haven't you seen himChristmas?
6. It was not rainedMay
7. I haven't written to him five months
8. She has spoken to them this morning
9. We have listened to music8a.m
10. The house been built last year

EXERCISE 2: Use simple past or present perfect to complete the following sentences:

1. Her English (improve) recently
2. How many pages you (read) so far?
3. We (finish) our homework two hour ago
4. I (see) him several times on TV
5. What you (do) last night?
6. This is the first time I (visit) the city
7. They (buy)..... the garden some days ago
8. I (learn) English since I (be)
..... 11 years old
9. The meal (already be) ready.
10. I (never read) an
interesting story like this before

STRUCTURE 1

S + **have/has** + V_{3/ed} + O + for/since + time
→ S + **started/began** + **V-ing/ To-V** + O + time
→ **It has been/ is** + time + **since** + S + V_{2/ed} + O

STRUCTURE 2

S + **have/has NOT** + V_{3/ed} + O + for/since + time
→ S + **last** + V_{2/ed} + O + time
→ **The last time** S + V_{2/ed} + O + **WAS** + time
→ **It has been/ is** + time + **since** + S + **last** + V_{2/ed} + O
→ S + **stopped** + **Ving** + O + time

STRUCTURE 3

How long + **have/has** + S + V_{3/ed} + O?
→ **When** + **did** + S + V_o + O?
→ **How long ago** + **did** + S + V_o + O?
→ **How long is it/ has it been** **SINCE** S + V_{2/ed} + O?

STRUCTURE 4

This is/ It is the first time + S + **have/has** V_{3/ed} + O
→ S **have/has** + **not/never** + V_{3/ed} + O + **before**

THAY ĐỔI ĐẶC BIỆT

Chuyển đổi thời gian

1. Ago ⇔ for
2. In/on/at/when ⇔ since
3. Yesterday ⇔ since yesterday
4. Last/this/that ⇔ since last/this/that
 1. **QKD ⇔ HTHT**
 - Buy/bought ⇔ had/owned
 - Moved to ⇔ lived in
 - Went to ⇔ hasn't/haven't been to
 - Was/were ⇔ has/have been to
 2. **N ⇔ V**
 - Visit to ⇔ visited

EXERCISE 1: STRUCTURE 1

1. I started writing this letter two hours ago.
→ I have _____.
→ It's _____.
2. They began to live in Ho Chi Minh city last September.
→ They have _____.
→ It's _____.
3. Tim has been collecting stamps since the first of May.
→ Tim began _____.
4. They have taught English for five years.
→ They began _____.
→ It's _____.
5. Snow has fallen in this area since last December.
→ Snow started _____.

EXERCISE 2: STRUCTURE 2

1. The last time she went out with him was three weeks ago.
→ She has _____.
→ It has been _____.
→ She stopped _____.
→ She last _____.
2. My friend last worked at this grocery store in 2005.
→ My friend has _____.
→ She stopped _____.
→ The last time she _____.

3. She stopped writing the letter two minutes ago.

→ She has _____.

→ It has been _____.

→ The last time she _____.

→ She last _____.

4. It's a long time since I last played badminton.

→ I have _____.

→ I stopped _____.

→ The last time I _____.

→ I last _____.

5. The last time we watched TV was four hours ago.

→ We have _____.

→ It has been _____.

→ We stopped _____.

→ We last _____.

EXERCISE 3: STRUCTURE 3

1. When did you start to learn English?

→ How long have you _____?

→ How long ago _____?

→ How long is _____?

2. When did your father buy that car?

→ How long has your father _____?

→ How long ago _____?

→ How long is _____?

3. When did you move to HCM city?

→ How long have you _____?

→ How long ago _____?

→ How long is _____?

4. How long is it since you began learning German?

→ How long have you _____?

→ How long ago _____?

→ When _____?

5. How long has Jung Kook lived in Seoul?

→ When did Jung Kook _____?

→ How long ago _____?

→ How long is _____?

EXERCISE 4: STRUCTURE 4

1. This is the first time I have gone to Vung Tau.

→ I have never _____.

2. This is the first time she has attended the club.

→ She has never _____.

3. We haven't eaten this kind of food before.

→ This is the first time _____.

4. I have never written a letter to EXO before.

→ This is the first time _____.

5. This is his first visit to HCM city.

→ It is the first time _____.

EXERCISE 5: MIXED STRUCTURE

1. Taeyang has learned to dance for 20 years.
→ Taeyang began _____.
2. How long ago did you last go to the circus?
→ How long is _____.
3. We haven't worn this kind of clothing since we graduated from university.
→ The last time _____.
4. My friend last worked on that farm in 2005.
→ My friend hasn't _____.
5. We haven't tasted such delicious food before.
→ This is _____.
6. I stopped talking to him two months ago.
→ I have _____.
7. Jimin has learnt English at the British Council for 3 years.
→ Jimin _____.
8. It's a long time since Suga last met me.
→ Suga has _____.
9. How long has your family had this house?
→ When _____?
10. The Pikes have lived here since April 9th, 1989.
→ The Pikes began _____.
11. Ms. Jenny hasn't visited Paris since 2014.
→ The last time Ms Jenny _____.

MÔN VẬT LÝ

CHỦ ĐỀ: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN

ĐIỆN TRỞ CỦA MỘT DÂY DẪN (tiếp theo)

C. SỰ PHỤ THUỘC CỦA ĐIỆN TRỞ VÀO VẬT LIỆU LÀM DÂY DẪN

I/ Sự phụ thuộc của điện trở vào vật liệu làm dây dẫn

1/ Thí nghiệm

2/ Kết luận

Điện trở của dây dẫn phụ thuộc vào vật liệu làm dây dẫn.

II/ Điện trở suất. Công thức tính điện trở

1/ Điện trở suất

– Điện trở suất của một vật liệu (hay một chất) có trị số bằng điện trở của một đoạn dây dẫn hình trụ được làm bằng vật liệu đó có chiều dài 1 m và tiết diện là 1 m².

– Kí hiệu là ρ đọc là rô; đơn vị: $\Omega \cdot m$

– Chất nào có điện trở suất càng nhỏ thì dẫn điện càng tốt.

2/ Công thức tính điện trở

Điện trở của dây dẫn tỉ lệ thuận với chiều dài l , tỉ lệ nghịch với tiết diện S của dây dẫn và phụ thuộc vào vật liệu làm dây dẫn.

$$R = \rho \cdot \frac{l}{S}$$

Trong đó: ρ là điện trở suất ($\Omega \cdot m$), l là chiều dài của dây dẫn (m), S là tiết diện của dây dẫn (m²)

III/ Vận dụng

C4/27:

<u>Tóm tắt</u>	<u>Giải</u>
$l = 4m$ $d = 1 \text{ mm}$ $\rho = 1,7 \cdot 10^{-8} \Omega \cdot m$ $R = ? \Omega$	Tiết diện của dây: $S = \pi \cdot r^2 = \pi \cdot \left(\frac{d}{2}\right)^2 = 3,14 \cdot \left(\frac{1}{2}\right)^2 = 0,785 \text{ mm}^2 = 0,785 \cdot 10^{-6} \text{ m}^2$ Điện trở của dây: $R = \rho \cdot \frac{l}{S} = 1,7 \cdot 10^{-8} \cdot \frac{4}{0,785 \cdot 10^{-6}} \approx 0,087 \Omega$

C5/27:**Tóm tắt**

a) $l_1 = 2\text{m}$
 $S_1 = 1\text{mm}^2 = 10^{-6}\text{m}^2$
 $\rho_1 = 2,8.10^{-8}\Omega.m$

$R_1 = ?\Omega$

b) $l_2 = 8\text{m}$
 $d_2 = 0,4\text{mm}$
 $\rho_2 = 0,4.10^{-6}\Omega.m$

$R_2 = ?\Omega$

c) $l_3 = 400\text{m}$
 $S_3 = 2\text{mm}^2 = 2.10^{-6}\text{m}^2$
 $\rho_3 = 1,7.10^{-8}\Omega.m$

$R_3 = ?\Omega$

Giải

a) Điện trở của dây: $R_1 = \rho_1 \cdot \frac{l_1}{S_1} = 2,8.10^{-8} \cdot \frac{2}{0,785.10^{-6}} = 0,056\Omega$

b)

Tiết diện của dây:

$$S_2 = \pi \cdot r_2^2 = \pi \cdot \left(\frac{d_2}{2}\right)^2 = 3,14 \cdot \left(\frac{0,4}{2}\right)^2 = 0,1256\text{mm}^2 = 0,1256.10^{-6}\text{m}^2$$

Điện trở của dây: $R_2 = \rho_2 \cdot \frac{l_2}{S_2} = 0,4.10^{-6} \cdot \frac{8}{0,1256.10^{-6}} \approx 25,5\Omega$

c) Điện trở của dây: $R_3 = \rho_3 \cdot \frac{l_3}{S_3} = 1,7.10^{-8} \cdot \frac{400}{2.10^{-6}} = 3,4\Omega$

C6/27:**Tóm tắt**

$\rho = 5,5.10^{-8}\Omega.m$
 $R = 25\Omega$
 $r = 0,01\text{mm}$
 $l = ?\text{m}$

Giải

Tiết diện của dây: $S = \pi \cdot r^2 = 3,14 \cdot 0,01^2 = 3,14.10^{-4}\text{mm}^2 = 3,14.10^{-10}\text{m}^2$

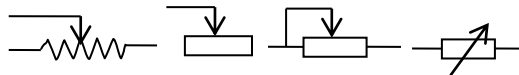
Chiều dài của dây tóc: $R = \rho \cdot \frac{l}{S} \Rightarrow l = \frac{R \cdot S}{\rho} = \frac{25 \cdot 3,14.10^{-10}}{5,5.10^{-8}} \approx 0,143\text{m}$

Bài 10: BIẾN TRỞ - ĐIỆN TRỞ DÙNG TRONG KỸ THUẬT

I/ Biến trở

1/ Tìm hiểu cấu tạo và hoạt động của biến trở

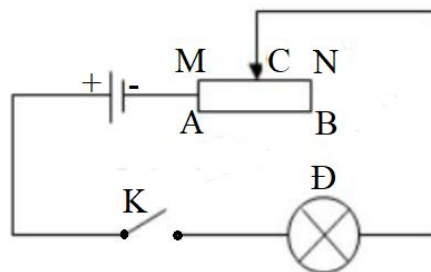
- Các loại biến trở: biến trở con chạy, biến trở tay quay, biến trở than
- Kí hiệu biến trở.



- Biến trở được sử dụng trong hộp số của quạt, nút vặn (biến trở tay quay) trong ampli, quạt, đèn, nút volume của tivi, ...

2/ Sử dụng biến trở để điều chỉnh cường độ dòng điện

C5/29:



C6/29:

- + Để con chạy C ở điểm N thì biến trở có giá trị điện trở lớn nhất, vì khi đó dòng điện chạy qua tất cả cuộn dây của biến trở.
- + Để đèn sáng mạnh nhất thì phải dịch con trở của biến trở đến vị trí sao cho điện trở của biến trở là nhỏ nhất (vì biến trở mắc nối tiếp với đèn trong mạch), đó là điểm M.

Khi con chạy đặt ở điểm M thì dòng điện hầu như không chạy qua cuộn dây của biến trở, điện trở của biến trở khi ấy là nhỏ nhất.

3/ Kết luận

Biến trở là điện trở có thể thay đổi trị số và có thể được sử dụng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.

II/ Các điện trở dùng trong kỹ thuật

III) Vận dụng

C10/30:

<u>Tóm tắt</u>	<u>Giải</u>
$\rho = 1,10.10^{-6} \Omega.m$ $R_{\max} = 20\Omega$ $S = 0,5\text{mm}^2 = 0,5.10^{-6}\text{m}^2$ $d = 2\text{cm} = 0,02\text{m}$ $N = ? \text{ vòng}$	Chiều dài của dây hợp kim: $R = \rho \cdot \frac{l}{S} \Rightarrow l = \frac{R.S}{\rho} = \frac{20.0,5.10^{-6}}{1,10.10^{-6}} \approx 9,09\text{m}$ Vì dây được quấn đều chung quanh một lõi sứ tròn đường kính $d = 2\text{cm} = 0,02\text{m}$ nên một vòng quấn sẽ chiếm một chiều dài bằng chu vi của lõi: $C = \pi.d = 3,14.0,02 = 0,0628\text{m}$ Số vòng dây của biến trở là: $N = \frac{l}{C} = \frac{9,09}{0,0628} \approx 145 \text{ vòng}$

MÔN HÓA HỌC

CHỦ ĐỀ 3. BASE

I. PHÂN LOẠI

- Base tan:

.....

- Base không tan:

Base	Fe(OH) ₂	Fe(OH) ₃	Mg(OH) ₂	Al(OH) ₃	Zn(OH) ₂	Cu(OH) ₂
Màu sắc						

II. TÍNH CHẤT HÓA HỌC

1. Làm đổi màu chất chỉ thị

- Dung dịch bazơ làm quỳ tím chuyển sang màu xanh.

- Dung dịch bazơ làm dung dịch phenolphthalein chuyển sang màu hồng.

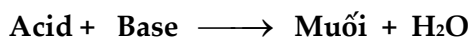
2. Tác dụng với acidic oxide



PTHH:

- | | |
|--|--|
| 1. $\text{SO}_2 + \text{NaOH} \longrightarrow$ | 9. $\text{CO}_2 + \text{NaOH} \longrightarrow$ |
| 2. $\text{SO}_2 + \text{KOH} \longrightarrow$ | 10. $\text{CO}_2 + \text{KOH} \longrightarrow$ |
| 3. $\text{SO}_2 + \text{Ca(OH)}_2 \longrightarrow$ | 11. $\text{CO}_2 + \text{Ca(OH)}_2 \longrightarrow$ |
| 4. $\text{SO}_2 + \text{Ba(OH)}_2 \longrightarrow$ | 12. $\text{CO}_2 + \text{Ba(OH)}_2 \longrightarrow$ |
| 5. $\text{SO}_3 + \text{NaOH} \longrightarrow$ | 13. $\text{P}_2\text{O}_5 + \text{NaOH} \longrightarrow$ |
| 6. $\text{SO}_3 + \text{KOH} \longrightarrow$ | 14. $\text{P}_2\text{O}_5 + \text{KOH} \longrightarrow$ |
| 7. $\text{SO}_3 + \text{Ca(OH)}_2 \longrightarrow$ | 15. $\text{N}_2\text{O}_5 + \text{NaOH} \longrightarrow$ |
| 8. $\text{SO}_3 + \text{Ba(OH)}_2 \longrightarrow$ | 16. $\text{N}_2\text{O}_5 + \text{KOH} \longrightarrow$ |

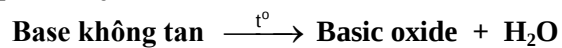
3. Tác dụng với axit



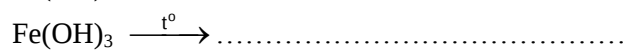
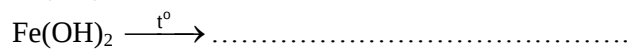
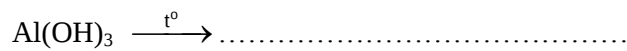
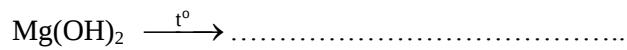
- | | |
|--|--|
| 1. $\text{HCl} + \text{NaOH} \longrightarrow$ | 9. $\text{H}_2\text{SO}_4 \text{ loãng} + \text{NaOH} \longrightarrow$
..... |
| 2. $\text{HCl} + \text{KOH} \longrightarrow$
..... | 10. $\text{H}_2\text{SO}_4 \text{ loãng} + \text{KOH} \longrightarrow$
..... |
| 3. $\text{HCl} + \text{Ca(OH)}_2 \longrightarrow$
..... | 11. $\text{H}_2\text{SO}_4 \text{ loãng} + \text{Ca(OH)}_2 \longrightarrow$
..... |
| 4. $\text{HCl} + \text{Ba(OH)}_2 \longrightarrow$
..... | 12. $\text{H}_2\text{SO}_4 \text{ loãng} + \text{Ba(OH)}_2 \longrightarrow$
..... |
| 5. $\text{HCl} + \text{Mg(OH)}_2 \longrightarrow$
..... | 13. $\text{H}_2\text{SO}_4 \text{ loãng} + \text{Mg(OH)}_2 \longrightarrow$
..... |
| 6. $\text{HCl} + \text{Fe(OH)}_2 \longrightarrow$
..... | 14. $\text{H}_2\text{SO}_4 \text{ loãng} + \text{Fe(OH)}_2 \longrightarrow$
..... |
| 7. $\text{HCl} + \text{Fe(OH)}_3 \longrightarrow$
..... | 15. $\text{H}_2\text{SO}_4 \text{ loãng} + \text{Fe(OH)}_3 \longrightarrow$
..... |
| 8. $\text{HCl} + \text{Cu(OH)}_2 \longrightarrow$
..... | 16. $\text{H}_2\text{SO}_4 \text{ loãng} + \text{Cu(OH)}_2 \longrightarrow$
..... |

4. Tác dụng với dung dịch muối

5. Bazo không tan bị nhiệt phân hủy



PTHH:



III. ĐIỀU CHẾ

1. Ca(OH)_2

PTHH:

.....

2. NaOH

PTHH:

.....

MÔN SINH HỌC

NỘI DUNG GHI BÀI SINH HỌC 9 - TUẦN 5

CHỦ ĐỀ: NGUYÊN PHÂN – GIẢM PHÂN (TIẾT 2)

*Giảm phân xảy ra vào thời kì chín của tế bào sinh dục để hình thành giao tử.
Trải qua 2 lần phân bào liên tiếp.*

Các kì	Những biến đổi cơ bản của NST ở các kì	
	Lần phân bào I	Lần phân bào II
Kì đầu	- Các NST kép xoắn, co ngắn và có sự tiếp hợp giữa các cặp NST kép tương đồng	- NST co lại cho thấy số lượng NST kép trong bộ đơn bội.
Kì giữa	- Các cặp NST kép tương đồng xếp song song thành 2 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.	- NST kép xếp thành 1 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.
Kì sau	- Các cặp NST kép tương đồng phân li độc lập và tổ hợp tự do về 2 cực tế bào.	- Từng NST kép tách ở tâm động thành 2 NST đơn phân li về 2 cực của tế bào.
Kì cuối	- Hai tế bào mới được tạo thành đều có bộ NST đơn bội (n NST) kép khác nhau về nguồn gốc.	- Các NST đơn nằm gọn trong nhân của các tế bào con mới với số lượng là đơn bội (n NST).
Kết quả	Từ 1 tế bào mẹ ($2n$ NST) qua 2 lần phân bào liên tiếp tạo ra <u>4 tế bào con mang bộ NST đơn bội (n NST)</u> .	

BÀI TẬP

Bài 1: Ruồi giấm có $2n$ NST = 8 NST. Một tế bào của ruồi giấm đang ở kì sau của giảm phân II. Hỏi trong tế bào đó có bao nhiêu NST?

BÀI 11: PHÁT SINH GIAO TỬ VÀ THỤ TINH

I. Sự phát sinh giao tử

a. Phát sinh giao tử đực

Các tế bào mầm ($2n$) nguyên phân liên tiếp tạo nhiều tinh nguyên bào ($2n$). Tinh nguyên bào ($2n$) phát triển thành tinh bào bậc 1 ($2n$). Mỗi tinh bào bậc 1 ($2n$) giảm phân tạo 4 tinh trùng (n)

b. Phát sinh giao tử cái

Các tế bào mầm ($2n$) nguyên phân liên tiếp tạo nhiều noãn nguyên bào ($2n$). Noãn nguyên bào ($2n$) phát triển thành noãn bào bậc 1 ($2n$). Mỗi noãn bào bậc 1 ($2n$) giảm phân tạo 1 trứng (n)

II. Thụ tinh

- Là sự tổ hợp ngẫu nhiên giữa 1 giao tử đực (tinh trùng) và 1 giao tử cái (trứng) để tạo thành hợp tử.

- Bản chất của sự thụ tinh là sự kết hợp của 2 bộ nhân đơn bội (n NST) để tạo thành bộ nhân lưỡng bội ($2n$ NST) ở hợp tử.

III. Ý nghĩa của giảm phân và thụ tinh

Sự phối hợp các quá trình nguyên phân, giảm phân và thụ tinh đã duy trì ổn định bộ NST đặc trưng của các loài sinh sản hữu tính qua các thế hệ cơ thể. Đồng thời còn tạo ra nguồn biến dị tổ hợp phong phú cho chọn giống và tiến hóa.

BÀI TẬP

Bài 1: Ở tinh tinh có bộ NST $2n = 48$, trong đó cặp NST giới tính của tinh tinh đực là XY và tinh tinh cái là XX.

a. Có mấy loại trứng và tinh trùng của tinh tinh được tạo ra qua giảm phân?

b. Xác định số NST có trong giao tử của tinh tinh.

---HẾT---

MÔN LỊCH SỬ

TUẦN 5 TỪ NGÀY 4/10 – 9/10/2021

BÀI 4. CÁC NƯỚC CHÂU Á (1 tiết)

I. Tình hình chung

1. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc châu Á (từ sau chiến tranh thế giới lần thứ 2 đến đầu những năm 50)

- Cao trào đấu tranh bùng lên khắp châu Á.
- Phần lớn các nước giành được độc lập: Trung Quốc, Ấn Độ,...

2. Tình hình các nước châu Á từ nửa cuối TK XX đến nay

- Không ổn định.
- Nhiều cuộc chiến tranh xâm lược xảy ra: Đông Nam Á, Trung Đông,...
- Các nước đế quốc chiếm những vị trí chiến lược quan trọng.
- Tranh chấp biên giới và ly khai xảy ra.

3. Những thành tựu kinh tế, xã hội của châu Á (từ 1945 đến nay)

- Một số nước đạt thành tựu lớn về kinh tế: Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore.
- Ấn Độ: kinh tế phát triển nhanh chóng
- + Thực hiện nhiều kế hoạch phát triển kinh tế.
- + Thực hiện “cách mạng xanh” -> tự túc được lương thực.
- + Công nghệ thông tin phát triển.

II. Trung Quốc

1. Sự ra đời của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa

- Sau kháng chiến chống Nhật
- Nội chiến cách mạng bùng nổ (1946 – 1949)
- Trung Hoa quốc dân Đảng thất bại -> Tưởng Giới Thạch chạy khỏi Đài Loan
- 1/10/1949 nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.

2. Mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959) (tự đọc)

3. Đất nước trong thời kì biến động (1959 – 1978) (tự đọc)

4. Công cuộc cải cách mở cửa (từ năm 1978 đến nay)

- 12/1978 Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới.
- Nội dung:
 - + Xây dựng CNXH theo kiểu Trung Quốc.
 - + Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.
 - + Cải cách mở cửa.
 - + Hiện đại hóa đất nước.
- Thành tựu: kinh tế tăng trưởng, đứng hàng thứ 7 thế giới.
- > Đời sống được cải thiện.
- Đối ngoại:
 - + Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô, Mông Cổ, Lào, Indonexia, Việt Nam.
 - + Thu hồi Hồng Kông (7/1997) và Ma Cao (12/1999).
 - + Địa vị trên trường quốc tế nâng cao.



MÔN ĐỊA LÍ

BÀI 9: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÂM NGHIỆP THỦY SẢN

I. LÂM NGHIỆP:

1/ Tài nguyên rừng: Độ che phủ rừng toàn quốc thấp 35% năm 2000.

- Rừng phòng hộ: hơn 5 triệu ha (rừng đầu nguồn, rừng chắn cát, chắn sóng).
- Rừng đặc dụng: hơn 1 triệu ha (vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn văn hóa - lịch sử - môi trường).
- Rừng sản xuất: hơn 4 triệu ha (ở núi thấp, trung du, cung cấp nguyên liệu).

2/ Sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp:

- * Hàng năm khai thác khoảng hơn 2,5 triệu m³ gỗ ở khu vực rừng sản xuất. Khai thác gỗ gắn liền với trồng mới và bảo vệ rừng.
- * Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản gắn với vùng nguyên liệu.
- * Phấn đấu nâng tỷ lệ rừng che phủ, mô hình nông lâm kết hợp góp phần bảo vệ rừng và nâng cao đời sống nhân dân.

II. NGÀNH THỦY SẢN:

1/ Nguồn lợi thủy sản:

- * Thuận lợi: Có ngư trường lớn, nhiều diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản.
- * Khó khăn: Thường xuyên có thiên tai, môi trường biển bị suy thoái → nguồn lợi thủy sản giảm, vốn ít → năng suất thấp.

2/ Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản: Sản xuất thủy sản phát triển mạnh. Chủ yếu là khai thác tự nhiên dẫn đầu về sản lượng: Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận.

Nuôi trồng tỷ trọng còn nhỏ và đang phát triển nhanh sản lượng nhiều nhất: Cà Mau, An Giang Bến Tre.

Xuất khẩu thủy sản tăng vượt bậc, thị trường ngày càng mở rộng.

BÀI 10: THỰC HÀNH

VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIO TRỒNG PHÂN THEO CÁC LOẠI CÂY, SỰ TĂNG TRƯỞNG ĐÀN GIA SÚC, GIA CẦM

Bài 1: VẼ BIỂU ĐỒ TRÒN THỂ HIỆN CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIO TRỒNG CÁC NHÓM CÂY.

Bài 1. Cho bảng số liệu :

Bảng 10.1. Diện tích gieo trồng, phân theo nhóm cây (nghìn ha)

Các nhóm cây \ Năm	1990	2002
Tổng số	9040,0	12831,4
Cây lương thực	6474,6	8320,3
Cây công nghiệp	1199,3	2337,3
Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác	1366,1	2173,8

- a) Hãy vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng các nhóm cây. Biểu đồ năm 1990 có bán kính là 20 mm; biểu đồ năm 2002 có bán kính là 24 mm.
- b) Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét về sự thay đổi quy mô diện tích và tỉ trọng diện tích gieo trồng của các nhóm cây.

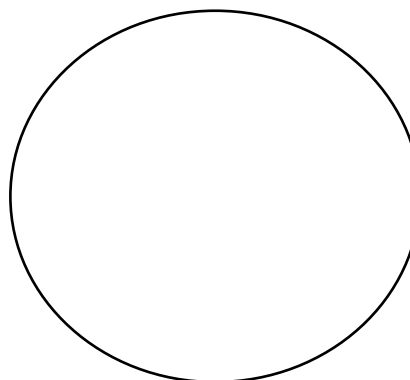
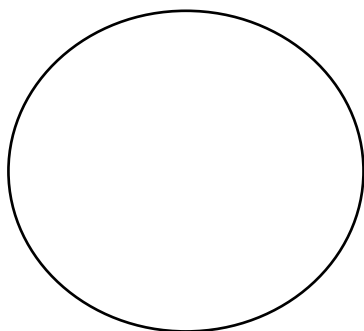
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Bước 1: Đổi số liệu:

% Cây lương thực (1990) = $6474,6 : 9040 \times 100 = ?$

Các nhóm cây \ Năm	1990	2002
Tổng số	100%	100%
Cây lương thực		
Cây công nghiệp		
Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác		

Bước 2: Vẽ biểu đồ (Lưu ý: Cần ghi tên biểu đồ và chú giải)



BÀI GHI LỚP 9 MÔN GDCD

Tuần 5 (4/10-9/10/21)

BÀI 3: DÂN CHỦ VÀ KỈ LUẬT (tiết 2)

I. Đặt vấn đề

II. Nội dung bài học:

3. Ý nghĩa

- Tạo ra sự thống nhất cao về nhận thức, ý chí và hành động.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công việc.
- Tạo cơ hội cho mọi người phát triển, xây dựng quan hệ xã hội tốt đẹp.

4. Rèn luyện

- Mọi người cần tự giác chấp hành kỷ luật
- Các cán bộ lãnh đạo, các tổ chức XH tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy dân chủ, kỉ luật.
- HS vâng lời bố mẹ thực hiện quy định của trường.

III. Luyện tập

A. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 6: Trong cuộc họp tổ dân phố, ông N là trưởng tổ dân phố, vì ông V mâu thuẫn với ông N nên trong cuộc họp về vấn đề vệ sinh môi trường khi dân phố ông N đã không cho ông V phát biểu ý kiến. Việc làm đó thể hiện điều gì?

- A. Ông N là người tự chủ.
- B. Ông N là người trung thực.
- C. Ông N người thật thà.
- D. Ông N vi phạm quyền dân chủ của công dân.

Câu 7: Mối quan hệ giữa kỉ luật và dân chủ là?

- A. Dân chủ là động lực để kỉ luật được thực hiện.
- B. Dân chủ là mục đích để kỉ luật được thực hiện.
- C. Dân chủ là nội dung của kỉ luật.
- D. Dân chủ là điều kiện đảm bảo cho kỉ luật được thực hiện.

Câu 8: Coi cóp trong giờ thi, đi học muộn, đánh nhau trong trường học vi phạm điều gì?

- A. Vi phạm pháp luật.
- B. Vi phạm quyền tự chủ.
- C. Vi phạm kỉ luật.
- D. Vi phạm quy chế.

Câu 9: Thực hiện dân chủ và kỉ luật có ý nghĩa là?

- A. Tạo ra sự thống nhất cao về nhận thức, ý chí và hành động.
- B. Tạo cơ hội cho mọi người phát triển.
- C. Nâng cao hiệu quả, chất lượng lao động.
- D. Cả A, B, C.

Câu 10: Dân chủ...để mọi người thể hiện và phát huy được sự đóng góp của mình vào công việc chung. Trong dấu “...” đó là?

- A. Tạo cơ hội.
- B. Là điều kiện.
- C. Là động lực.
- D. Là tiền đề.

B. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

Lớp 9 C tổ chức buổi họp để chuẩn bị cho Hội trại 26/3. Khi cả lớp và cô giáo đang lắng nghe bạn Huy lớp trưởng phân công nhiệm vụ cho từng tổ thì bạn Thành đứng phắt dậy phản đối. Bạn Thành cho rằng lớp trưởng không công bằng khi phân công nhiệm vụ giữa các tổ. Một số bạn đề nghị Thành giữ trật tự để nghe bạn Huy trình bày xong rồi hãy phát biểu ý kiến. Bạn Thành cho rằng trong một tập thể dân chủ thì mình có thể phát biểu bất cứ lúc nào mình muốn.

Em có đồng ý với suy nghĩ và hành vi của bạn Thành hay không? Tại sao?

IV. Dặn dò Học phần “Nội dung bài học”

- Chuẩn bị Bài 4

MÔN CÔNG NGHỆ 9

Bài 4:

Thực hành SỬ DỤNG ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN

Các em xem clip: <https://www.youtube.com/watch?v=sXT5fmRV42o>

I. Dụng cụ, vật liệu, thiết bị:

Xem SGK hoặc chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

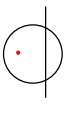
II. Nội dung và trình tự thực hành:

1. Tìm hiểu đồng hồ đo điện

a) Cấu tạo ngoài của đồng hồ đo điện: HS điền vào bảng

STT	Tên gọi	Đại lượng đo	Kí hiệu	Cấu tạo ngoài
1	...	...	...	
2	...	...	...	
3	...	...	...	
4	...	...	...	
5	...	...	...	
6	...	...	...	

b) Ý nghĩa – chức năng (HS đọc)

Kí hiệu	Ý nghĩa- chức năng	Kí hiệu	Ý nghĩa- chức năng
	Dụng cụ đo kiểu từ điện	~	Dụng cụ dùng với dòng điện xoay chiều
	Dụng cụ đo kiểu điện từ	~	Dụng cụ dùng với dòng điện một chiều và xoay chiều
	Dụng cụ đo kiểu điện động		Dụng cụ dùng với dòng điện 3 pha
	Dụng cụ đo kiểu cảm ứng	↑ hoặc ⊥	Dụng cụ đặt thẳng đứng
	Dụng cụ có cơ cấu đo kiểu tĩnh điện	→ hoặc II	Đặt dụng cụ nằm ngang
—	Dụng cụ dùng với dòng điện một chiều		Điện thế cách điện của dụng cụ là 2KV
< 60°	Đặt dụng cụ nghiêng 60°	0,5	Cấp chính xác là 0,5

2/ Thực hành sử dụng đồng hồ đo điện:

Chọn phương án 1: Sử dụng công tơ điện để đo điện năng tiêu thụ của mạch điện.

B1: Đọc và giải thích các kí hiệu ghi trên mặt công tơ điện

II. THỰC HÀNH SỬ DỤNG CÔNG TƠ ĐIỆN

Bước 1: Đọc và giải thích những ký hiệu ghi trên mặt công tơ điện.



1 3 5 2 là số kWh.
Số 4 là số lẻ.

Số điện năng tiêu thụ được tính :
 $K.1352 = 1.1352 = 1352 \text{ kWh } (K=1)$

Ký hiệu 450v/kWh :
1kWh đĩa nhôm quay 450 vòng.

220V – 10A : Là điện áp và cường độ định mức của công tơ

50Hz : Là tần số định mức

Clip: https://www.youtube.com/watch?v=ngejkNfu_BI

B2: Nối dây mạch điện thực hành:

Nguồn vào nối vào 1-3

Nguồn ra nối vào 2-4 (cấp điện cho tải)

Liệt kê tên phần tử mạch điện.

B3: Đo điện năng tiêu thụ của mạch điện:

- Đọc chỉ số công tơ trước khi TH.
- Mở công tắc cho đèn hoạt động, quan sát công tơ làm việc.
- Ghi chỉ số công tơ sau 24 giờ thiết bị hoạt động
- Tính điện năng tiêu thụ của phụ tải để kiểm tra theo công thức $A = P \cdot t \cdot n$

Chỉ số trước				
Chỉ số sau				
Tên đồ dùng	Công suất P	Số lượng n	Thời gian sử dụng t	Tiêu thụ điện
Điện năng tiêu thụ trong 1 ngày				

- Về nhà học bài, đọc bài 4. “**Thực hành: SỬ DỤNG ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN**”.

TH Phương án 1 : đo điện năng tiêu thụ bằng công tơ điện ở nhà em trong 24 giờ.

MĨ THUẬT 9 tuần 5

Vẽ Tranh Đề Tài Quê Hương

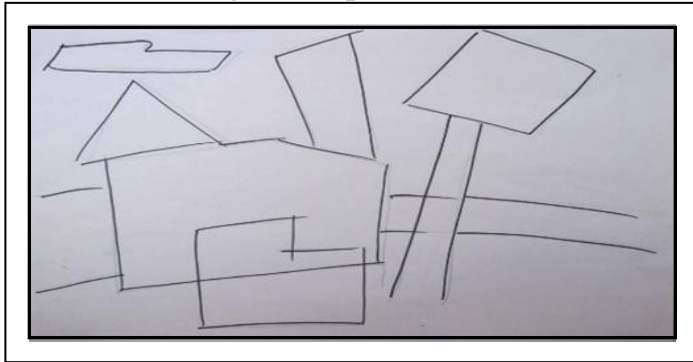
I. Tìm và chọn nội dung đề tài:



- Cảnh đẹp nước ta có ở nhiều vùng miền: Đồng bằng, thành thị, miền núi, miền biển,....
- Tranh phong cảnh vẽ cảnh là chủ yếu (cây cối, nhà cửa, sông, núi...), có thể vẽ người hoặc không vẽ người.

II. Cách vẽ:

- Tìm và chọn nội dung đề tài.
- Tìm bố cục mảng chính phụ.



- Vẽ hình.



- Vẽ màu



III. Thực hành

Vẽ tranh đề tài quê hương mà e thích.

TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG
TỔ: CÔNG NGHỆ - VTM

MÔN THỂ DỤC LỚP 9 TUẦN 5 (04/10 đến 09/10/2021)
BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN
NHIP 15 ĐẾN 22 NỮ - NHIP 17 ĐẾN 23 NAM
CHẠY TẠI CHỖ (TỪ 1 ĐẾN 3 PHÚT TÙY SỨC KHOẺ)

I. KIẾN THỨC, NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT, YÊU CẦU

1. Kiến thức

- Ôn nội dung học của những tuần trước. Bài TD liên hoàn nhip 1 đến 14 của nữ, nhip 1 đến 16 của nam.
- Học mới :
 - + Nhịp 15 đến 22 bài NỮ
 - + Nhịp 17 đến 23 bài NAM
- Học sinh biết cách thực hiện nội dung bài học và thực hiện đúng
- Học sinh hiểu được kỹ thuật cơ bản yêu cầu cần thực hiện.

2. Năng lực

- Năng lực cần đạt: Năng lực vận động, Năng lực thể lực, Năng lực lập kế hoạch hoạt động hàng ngày.
- Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật các động tác .

3. Phẩm chất

- Phẩm chất cần đạt: Tự lập, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.
- Rèn cho học sinh có thói quen tập luyện thể dục thể thao, tác phong nhanh nhẹn và thái độ nghiêm túc trong giờ học.

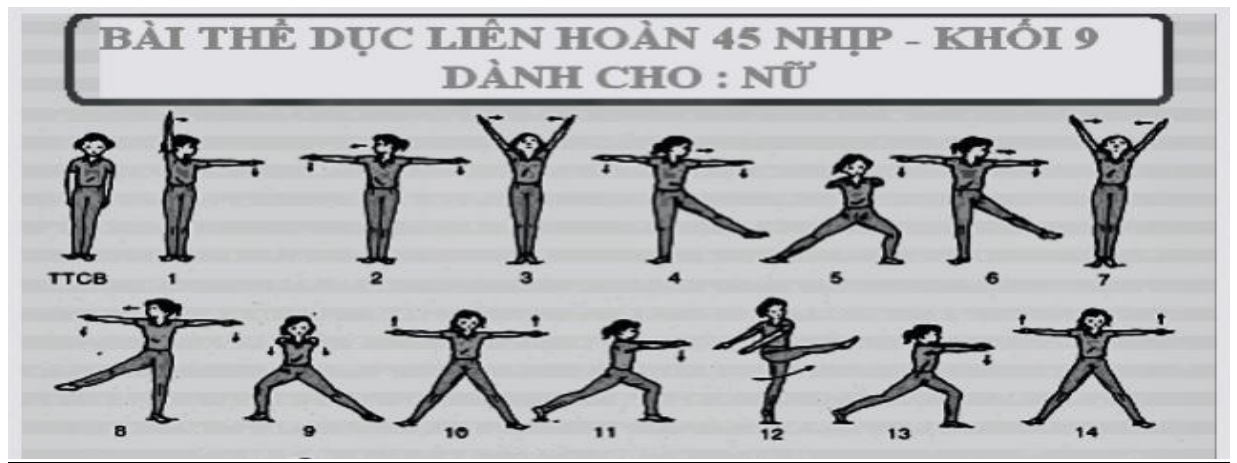
4. Yêu cầu

- Tập vừa sức , tùy theo tình hình sức khỏe của bản thân.

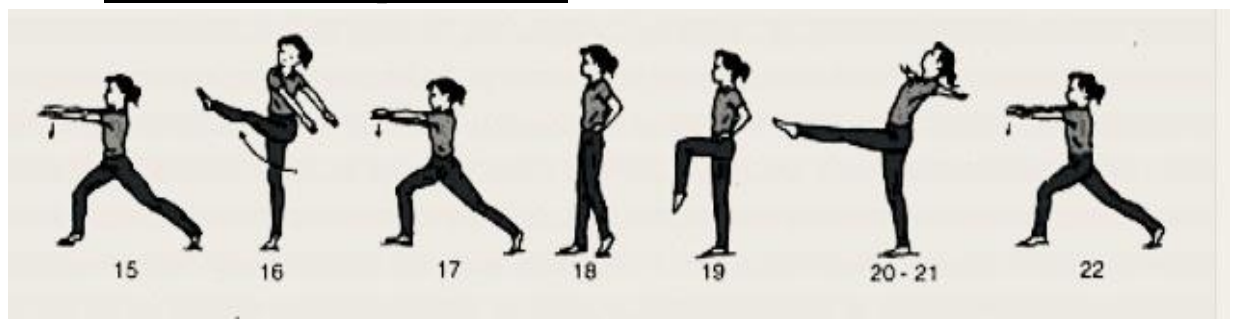
II. BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN :

1. Bài Nữ :

+ Ôn từ nhip 1 đến 14.



+ Học mới từ nhịp 15 đến 22.

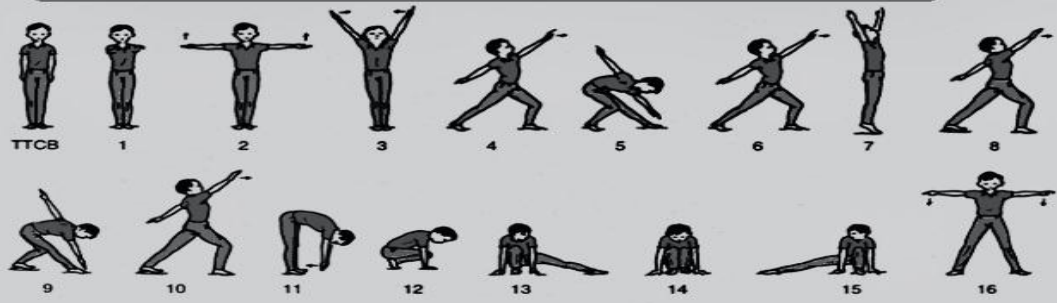


- Nhịp 15: Xoay người 90 độ sang phải, tay trái đưa xuống dưới ra trước cùng với tay phải song song cao ngang vai, bàn tay sấp, chân phải khuyu, chân trái kiễng, mặt hướng trước. **(NHƯ NHỊP 11 NHƯNG ĐỔI BÊN)**
- Nhịp 16 : Chân trái đá từ sau ra trước lên cao chéo sang phải, mũi chân thẳng, Đồng thời vặn thân sang trái và đánh hai tay sang trái ra sau, bàn tay sấp, Chân trụ kiễng, Mắt nhìn theo mũi chân trái. **(NHƯ NHỊP 12 NHƯNG ĐỔI BÊN)**
- Nhịp 17 : Về như nhịp 15
- Nhịp 18 : Chuyển trọng tâm vào chân phải đứng thẳng, Kéo sát chân sau về cách gót chân trước một bàn chân, mũi chân chạm đất, hai tay chống hông, mặt hướng trước.
- Nhịp 19 : Nâng đùi chân trái ra trước, lên cao ngang hông, căng chân vuông góc với đùi và mặt đất, mũi bàn chân thẳng.
- Nhịp 20 + 21 : Đưa hai tay ra trước – sang ngang, bàn tay ngửa, chân trái duỗi thẳng và nâng cao đến mức tối đa, mũi bàn chân thẳng, thân hơi ngã ra sau để giữ thăng bằng, mặt ngửa
- Nhịp 22 : Hạ chân trái chạm đất về tư thế như nhịp 15, nhưng đổi chân.

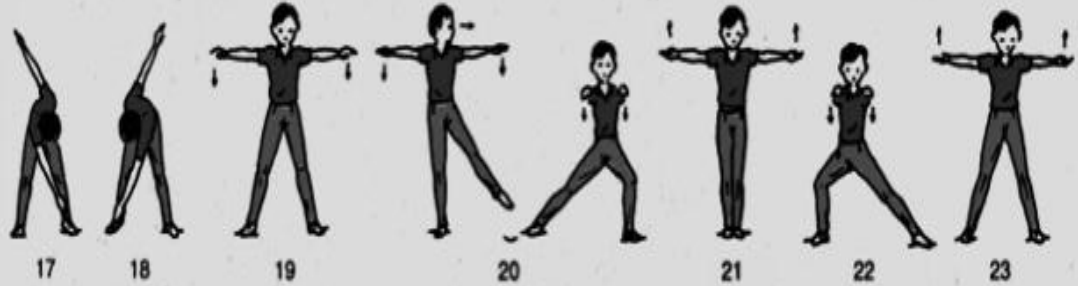
2. Bài Nam :

+ Ôn từ nhịp 1 đến nhịp 16

**BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN 45 NHỊP - KHỐI 9
DÀNH CHO : NAM**



+ Học mới từ nhịp 17 đến 23.



- Nhịp 17 : Gập thân về trước, vặn mình sang trái tay phải chạm bàn chân trái, tay trái giơ chéo cao phải sau, hai chân thẳng, cuối đầu nhìn theo bàn tay phải.
- Nhịp 18 : Nâng thân lên một chút, sau đó thực hiện như nhịp 17, nhưng vặn mình sang phải đổi vị trí hai tay.
- Nhịp 19 : Đứng lên đồng thời thu chân trái về sát chân phải, hai dang ngang rộng hơn vai, hai tay dang ngang, bàn tay sấp, mặt hướng trước.
- Nhịp 20 : Dồn trọng tâm vào chân phải, bước chân trái sang ngang rộng hơn vai (rộng hơn khoảng cách giữa hai chân ở nhịp 16) Khi chạm đất khuỷu gối, hai tay đưa ra trước song song, bàn tay sấp, mặt hướng trước.
- Nhịp 21 : Thu chân trái sát chân phải thành đứng thẳng, hai tay dang ngang, bàn tay ngửa.
- Nhịp 22 : Như nhịp 20 (**NHƯNG ĐỔI BÊN**).
- Nhịp 23 : Thu chân phải về thành đứng thẳng hai chân rộng hơn vai, hai tay dang ngang bàn tay ngửa.

3. Bài Thể Lực Chạy Tại Chỗ

Yêu cầu chạy tại chỗ tùy sức : từ 30 giây đến 60 giây hoặc 90 giây. Làm lại từ 2 đến 3 lần sau khi nghỉ ngơi 3 đến 5 phút.